

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2021/HS-ST
Ngày: 29-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Vũ Xuân Thụ.
- Ông Nguyễn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Hồ Quang Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 96/2021/TLST-HS, ngày 08 tháng 11 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2021/QĐXXST-HS, ngày 10 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

Bùi Viết T; sinh ngày 25/5/1991 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Buôn L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Viết X (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1952; có vợ là Lê Thị Á, sinh năm 1989 và 01 con sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Nhan Thị N; sinh ngày 10/3/1983 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Buôn L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nhan T, sinh năm 1943 và bà Hồ Thị Q, sinh năm 1942; có chồng là Nguyễn Phi K, sinh năm 1981 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Phạm Xuân T; sinh ngày 09/02/1977 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: Buôn L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân D (đã chết) và Phan Thị Í (đã chết); có vợ là Lê Thị H, sinh năm 1981 và 02 con,

con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Nguyễn Thị H; sinh ngày 15/10/1986 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Buôn L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; có chồng là Lê Bá T, sinh năm 1985 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Phạm Viết T; sinh ngày 28/3/1996 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Buôn L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C, sinh năm 1969 và bà Đậu Thị H, sinh năm 1974; có vợ là Bùi Thị H, sinh năm 1997; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nhan T, sinh năm 1943 và bà Hồ Thị Q, sinh năm 1942; nơi cư trú: Buôn L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Phi K, sinh năm 1981; nơi cư trú: Buôn L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nhan Ngọc N, sinh năm 1980; nơi cư trú: Buôn L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

+ Anh Trần Ngọc H, sinh năm 1965; nơi cư trú: Buôn L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 12/9/2021, Bùi Viết T, Phạm Xuân T, Phạm Viết T đến nhà Nhan Thị N ở Buôn L, thị trấn E, huyện E chơi. Tại đây, Bùi Viết T nảy sinh ý định đánh bài tiền lên thắng thua bằng tiền nên T rủ N, Trình và Phạm Xuân T đánh bạc thì tất cả đồng ý. Lúc này, Bùi Viết T lấy 01 chiếc chiếu có sẵn trong phòng bếp nhà của Nga trải ra giữa phòng bếp và lấy 01 bộ bài Tú lơ khơ màu xanh 52 quân có sẵn trong nhà N ra chơi. Trước khi đánh bạc, N bỏ ra số tiền 1.880.000 đồng, Bùi Viết T bỏ ra số tiền 3.030.000 đồng, T bỏ ra số tiền 280.000 đồng và Phạm Xuân T bỏ ra số tiền 380.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, thì có Nguyễn Thị H đến bỏ ra số tiền 440.000 đồng và góp tiền với N để tham gia đánh bạc. Sau đó, N và

H thay phiên nhau đánh bạc với Bùi Viết T, Phạm Xuân T và Phạm Viết T. Tất cả thống nhất hình thức đánh bạc như sau: Tất cả ngồi thành vòng tròn theo chiều kim đồng hồ quay, sử dụng 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân. Mỗi người được chia 13 lá bài và được chia theo kim đồng hồ, ván đầu tiên, người chơi có lá bài 3 bích được đi trước và bắt buộc phải đánh 3 bích, có thể theo đôi, sảnh hoặc ba cây, nếu tứ quý 3 (bốn quân 3) thì ăn trắng ván bài đó. Từ ván bài sau trở đi người thắng sẽ chia bài và được đánh trước (nếu ai có 3 đôi thông thì có thể đánh trước gọi là “cướp cái”). Mỗi lượt chơi, người chơi cần đánh ra lá bài hoặc đôi, sảnh, có thể chặt được lá bài hoặc đôi, sảnh của người chơi trước vừa đánh ra. Trong trường hợp không thể chặt được thì người chơi đó sẽ mất lượt. Khi không có người chơi chặt được lá bài vừa đánh thì lượt chơi kết thúc, người vừa đánh có thể tiếp tục đánh ra quân bài tùy ý. Ván bài kết thúc khi tất cả người chơi đã đánh hết bài trên tay. Những người chơi trên thống nhất với nhau bốn đôi thông chặt được 1 quân bài 2 (ký hiệu 2) hoặc đôi hai (hai quân 2) bất kỳ (đen đỏ hoặc cả đen và đỏ) và 4 đôi thông nhỏ hơn; 4 đôi thông chặt không cần vòng, không áp dụng chặt tứ quý. Người bị chặt 1 quân 2 chặt bích hoặc chuồn phải chung cho người chặt 20.000 đồng, bị chặt 1 quân 2 chặt rô hoặc cơ phải chung cho người chặt 30.000 đồng. Nếu chặt đôi hai thì tính tổng số tiền của 2 quân 2. Người bị chặt bốn đôi thông phải chung cho người chặt 60.000 đồng. Sau khi đánh hết bài cầm trên tay thì người nhất được về thứ tư chung cho 30.000 đồng, người về thứ nhì được người thứ ba chung cho 20.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc Bùi Viết T, Phạm Xuân T, Phạm Viết T, Nhan Thị N và Nguyễn Thị H đang sát phạt thắng thua thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H’Leo, phát hiện bắt quả tang; thu giữ số tiền 6.010.000 đồng; 01 bộ bài Tú lơ khơ bằng giấy màu xanh 52 quân đã sử dụng; 01 chiếc chiếu nhựa màu xanh kích thước 1,6m x 02m.

Các bị cáo Bùi Viết T, Nhan Thị N, Phạm Xuân T, Nguyễn Thị H và Phạm Viết T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 93/CT-VKS, ngày 08/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H’Leo truy tố đối với các bị cáo Bùi Viết T, Nhan Thị N, Phạm Xuân T, Nguyễn Thị H và Phạm Viết Trình về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H’Leo giữ nguyên quan điểm truy tố sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Viết T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách bằng hai lần mức án.

Xử phạt bị cáo Nhan Thị N từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách bằng hai lần mức án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân T từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Phạm Viết T từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Khi bắt quả tang đã thu giữ trên chiếu bạc 6.010.000 đồng, toàn bộ số tiền này các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên đề nghị tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước. Đối với bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 01 chiếc chiếu nhựa đề nghị tịch thu tiêu hủy. Đối với căn phòng nơi các bị cáo đánh bạc thuộc sở hữu của Nhan Thị N và chồng là Nguyễn Phi K, việc các bị cáo đánh bạc trong phòng ông K không biết nên đề nghị tịch thu $\frac{1}{2}$ giá trị căn phòng là 6.849.500 đồng.

Các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát, không có tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện chấp hành hình phạt và chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ea H'Leo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Vào khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 12/9/2021 tại nhà Nhan Thị N và Nguyễn Phi K thuộc Buôn L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; các bị cáo Bùi Viết T, Nhan Thị N, Phạm Xuân T và Phạm Viết T đã có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh tiến lên, đến khoảng 14 giờ 30 phút thì có Nguyễn Thị H đến cùng tham gia đánh bạc, số tiền các bị cáo đánh bạc là 6.010.000 đồng.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật. Thế nhưng, do ý thức coi thường pháp luật và

động cơ ham muốn sát phạt ăn thua, muốn có tiền nhưng không phải lao động chính đáng nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ căn cứ pháp luật để kết luận: Các bị cáo Bùi Viết T, Nhan Thị N, Phạm Xuân T, Nguyễn Thị H và Phạm Viết T đã phạm tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tại điều luật nêu trên quy định như sau:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc hành vi được quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”;

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự công cộng mà còn gây mất ổn định về trật tự trị an tại địa phương; tệ nạn đánh bạc dưới hình thức đánh bài tiến lên và các hình thức đánh bạc khác trong thời gian qua có chiều hướng gia tăng tại địa phương. Mặc dù các cơ quan chức năng đã có những biện pháp xử phạt nghiêm khắc đối với những đối tượng vi phạm nhưng vẫn không giảm mà vẫn có chiều hướng gia tăng; hành vi phạm tội của các bị cáo cũng là một trong những nguyên nhân gián tiếp gây ra các tệ nạn xã hội khác. Vì vậy, cần áp dụng một hình phạt đủ nghiêm đối với các bị cáo để trừng trị, đồng thời cải tạo, giáo dục các bị cáo. Ngoài ra, còn có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm, các bị cáo đều tham gia thực hiện tội phạm với vai trò thực hành. Vì vậy, cần phân tích đánh giá cụ thể hành vi của từng bị cáo tham gia vào việc phạm tội để việc quyết định hình phạt được chính xác.

Đối với bị cáo Bùi Viết T là người rủ rê, trực tiếp tham gia và bỏ ra số tiền 3.030.000 đồng để đánh bạc nên cần xử phạt bị cáo mức án cao hơn các bị cáo còn lại trong vụ án.

Đối với bị cáo Nhan Thị N bỏ ra số tiền 1.880.000 đồng để đánh bạc và sử dụng căn phòng là tài sản chung của mình làm nơi đánh bạc nên cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nhẹ hơn bị cáo Bùi Viết T nhưng cao hơn các bị cáo còn lại.

Đối với bị cáo Phạm Xuân T bỏ ra số tiền 380.000 đồng, bị cáo H bỏ ra số tiền 440.000 đồng và T bỏ ra số tiền 280.000 đồng để đánh bạc; các bị cáo đều tham gia tích cực vào việc phạm tội khi được rủ rê. Tuy nhiên, đối với bị cáo H sau khi các bị cáo khác đánh bạc được một thời gian thì bị cáo mới tham gia nên khi quyết định hình phạt cần xử phạt bị cáo H, T mức án thấp hơn bị cáo Phạm Xuân T.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải. Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo H đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; bị cáo Bùi Viết T, Phạm Xuân T hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo Viết Tuấn thuộc diện hộ nghèo. Như vậy, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Xét thấy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo Bùi Viết T, Nhan Thị N và Phạm Xuân T ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng đối với các bị cáo Bùi Viết T, N hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, bị cáo Phạm Xuân T cải tạo không giam giữ để các bị cáo tự rèn luyện mình dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng trừng trị, răn đe đối với các bị cáo. Bị cáo Phạm Xuân T có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên cần miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 6.010.000 đồng mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Cần tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chiếu nhựa là các công cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc. Đối với căn phòng nơi các bị cáo đánh bạc thuộc sở hữu của Nhan Thị N và chồng là Nguyễn Phi K, việc các bị cáo đánh bạc trong phòng ông K không biết nên cần tịch thu của bị cáo Nga $\frac{1}{2}$ giá trị căn phòng là 6.849.500 đồng mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội để nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với quyền sử dụng đất mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là của ông Nhan T và bà Hồ Thị Q, việc các bị cáo đánh bạc Ông Bà không biết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hình sự: Cần buộc các bị cáo Bùi Viết T, Nhan Thị N, Phạm Xuân T, Nguyễn Thị H và Phạm Viết T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Viết T, Nhan Thị N, Phạm Xuân T, Nguyễn Thị H và Phạm Viết T phạm tội “Đánh bạc”.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Bùi Viết T 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 08 tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nhan Thị N 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách, giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Ea Drăng, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Xuân T 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn Ea Drăng, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo Phạm Xuân T được miễn khẩu trừ thu nhập.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Ea Drăng, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Phạm Viết T số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 6.010.000 đồng. Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc chiếu nhựa. Đặc điểm các vật chứng được mô tả tại biên bản thu giữ vật chứng.

Tịch thu của bị cáo Nhan Thị N $\frac{1}{2}$ giá trị căn phòng là 6.849.500 (Sáu triệu, tám trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

4. Về án phí hình sự: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Bùi Viết T, Nhan Thị N, Phạm Xuân T, Nguyễn Thị H và Phạm Viết T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo Bùi Viết T, Nhan Thị N, Phạm Xuân T,

Nguyễn Thị H và Phạm Viết T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phi K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ giám đốc kiểm tra I);
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ CA huyện Ea H'Leo;
- Cơ quan thi hành án hình sự CA huyện Ea H'Leo;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện E;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Các bị cáo;
- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Đăng Khoa